

KÊNH ĐÀO LÀ KHÂU ĐỘT PHÁ TRONG KHAI HOANG VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐỒNG THÁP MƯỜI – TIỀN GIANG

Để khai hoang vùng Đồng Tháp Mười, các lớp tiền nhân đã bỏ ra rất nhiều công sức kể cả xương máu mới có như ngày hôm nay. Vấn đề đặt ra cho ông cha ta là khai hoang như thế nào để được hiệu quả, biến vùng hoang vu trở thành mảnh đất trù phú, hội tụ những xóm làng đông dân cư.

Đồng Tháp Mười trước khi được nhiều người biết đến nó có tên là “*Chằm Mãng Trạch*”¹ hay “*Pha Trạch*”². Theo đơn vị hành chính hiện nay, Đồng Tháp Mười gồm đất 3 tỉnh: Long An (Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Thị xã Kiến Tường³, Mộc Hóa, Tân Thạnh, Thạnh Hóa, Đức Hòa và 7 xã phía bắc của 2 huyện Thủ Thừa và Bến Lức), Đồng Tháp (Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình, Cao Lãnh, Tháp Mười) và Tiền Giang (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước⁴).

Đồng Tháp Mười là vùng đất có điều kiện tự nhiên khá đặc thù nên khi khai hoang thì phải phá rừng, đắp lộ, đào kênh, làm thủy lợi...v.v.. Công việc nào cũng quan trọng nhưng thiết nghĩ: *đào kênh phục vụ lợi ích an ninh, kinh tế - xã hội là tầm nhìn chiến lược của bậc tiền nhân*⁵. Trải qua nhiều thế kỷ, nhân dân vùng Đồng Tháp Mười đã đầu tư sức người, sức của để đào kênh nhằm phát triển kinh tế - xã hội.

1. Xuyên qua 4 thế kỷ đào kênh để khai hoang (cuối tk XVIII đến đầu tk XXI)

¹. Trịnh Hoài Đức (1972), Gia Định thành thông chí, Bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, tập thượng, tr. 69.

²Quốc sử quán triều Nguyễn – bản dịch Viện khxh Việt Nam(2006), Đại Nam Nhất Thống Chí, Nxb thuận hoá, t5, tr. 123.

³.Ngày 18 tháng 3 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 33/NQ-CP thành lập thị xã Kiến Tường từ huyện Mộc Hóa.

⁴.Nghị định Chính phủ số 68 – CP ngày 11 -7 – 1994, thành lập huyện Tân Phước từ huyện Cai Lậy và Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

⁵.Trần Hữu Thắng, Thủy nông vùng Đồng Tháp Mười thời Pháp thuộc (từ nửa sau TK XIX đến nửa đầu TK XX), Tạp chí Xưa và nay, số 431 tháng 7 – 2013.

1.1. Rạch Chanh - Kênh Bà Bèo

Đến cuối thế kỉ XVIII, kênh Bà Bèo chỉ là một con rạch nhỏ bắt nguồn từ sông Vàm Cỏ Tây, ăn sâu vào Đồng Tháp Mười khoảng vài km với tên gọi Rạch Chanh (rạch Tranh). Con rạch này nằm ở cửa ngõ để tiến vào Đồng Tháp Mười từ vùng đất trù phú Ba Giồng nên đã nhiều phen chứng kiến cuộc giao tranh ác liệt giữa quân Tây Sơn và quân Nguyễn Ánh.

Thời điểm nói trên, ở vàm Rạch Chanh đã có người đến ở nhưng còn rất thưa vắng, thiên nhiên còn hoang dã chưa được đánh thức cho nên có câu ca dao:

*Đưa nhau về đến Rạch Chanh,
Muối mòng cắn lằm cậy anh đưa về.¹*

Còn vùng đất phía nam Đồng Tháp Mười từ vàm Rạch Chanh đến ngọn cùng sông Ba Lai Bắc (thuộc huyện Cai Lậy hôm nay) thì vẫn còn hoang vu và tập Thượng của Gia Định thành thông chí đã ghi chép: “Ở phía tây – bắc trấn: lúc trước có con ngòi nhỏ, sông Tranh ở phía đông, đầu nguồn Ba – Lai ở phía tây, khoảng giữa bùn lầy thấp ướt, cỏ lác hoang vu, cách xa 57 dặm rưỡi, nơi đây phía nam nhiều gò đồng ruộng vườn, phía bắc nhiều rừng sâu chằm lớn kéo dài 5, 6 trăm dặm, là chỗ quân tụ nghĩa Đông – Sơn tới chiếm Ba – giồng, cậy thể ách hiểm, để đi hoành hành các nơi, khi lui tựa theo rừng sát, như cọp vào rừng sâu, rồng về biển cả, chẳng ai biết được tông tích ở đâu. Quân Tây – Sơn hằng bị chúng làm cho nguy khổ, mà cũng không làm sao được. Năm Ất – Tị (1785) Đô đốc Trấn của Tây – Sơn nhân có ngòi nhỏ ở hai đầu, đào mở một con sông ngang, cắt đứt chỗ hiểm yếu, thành một đường kênh đi tắt, rất được mau lẹ, nay có nhiều người qua lại.”². Con kênh này xuyên qua một cái bàu lớn chứa đầy bèo (bàu bèo) nên được gọi là kênh Bàu Bèo, sau đọc lệch thành Bà Bèo³.

¹.Trần Hữu Thắng (2012), Luận văn ThS Thủy nông vùng Đồng Tháp Mười từ năm 1802 đến năm 1945, lưu tại thư viện ĐH Sài Gòn, tr. 39.

².Trịnh Hoài Đức (1972), Gia Định thành thông chí, Bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, tập thượng, quyển 1. Nxb Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hoá, tr. 60.

³.Vương Hồng Sển (1999), Tự vị tiếng nói M.Nam, Nxb Trẻ, TpHCM, tr. 307.

Như vậy, cuối thế kỉ XVIII, kênh Bà Bèo đã thông suốt từ sông Vàm Cỏ Tây chạy dài 25 km về hướng tây, đến phía bắc Cai Lậy rồi rẽ trái theo nhánh sông Ba Lai Bắc (dài khoảng 30 km nữa) đổ ra sông Tiền tại địa phận huyện Cai Lậy. Ngoài dự tính của người chủ trương đào kênh nhằm mục đích quân sự (cô lập quân Đông Sơn của Nguyễn Ánh trong Đồng Tháp Mười), quân Tây Sơn đã vô tình tạo con đường thủy thông thương giữa miền Tây và Gia Định.

Nhưng do Đồng Tháp Mười trũng về phía Nam nên kênh Bà Bèo thường xuyên nước bị ú đọng, chảy rất yếu. Cùng đó là phù sa lắng tụ gây cạn lấp dần và ghe thuyền ít lưu thông bằng đường này. Chính vì cửa Rạch Chanh bị cạn lấp như thế cho nên đầu năm 1861, trong đợt tấn công Định Tường, cánh quân của trung tá Bourdais phải mất gần một tháng để dò theo sông Vàm Cỏ Tây và mất nhiều ngày để tiến quân vào con rạch này¹.

1.2. Kênh Tổng Đốc Lộc

Từ 1895 - 1897, Trần Bá Lộc đã tự đầu tư đào con kênh dài 45 km, rộng 10m, nối từ Rạch Ruộng phía sông Tiền Giang ăn thông đến kênh Bà Bèo (đào thời Tây Sơn), nơi tiếp nối là phía Bắc rạch Cai Lậy. Những con kênh còn lại, với bề ngang nhỏ hơn, đóng vai trò kênh tháo phèn. Năm 1899, thống đốc Nam Kỳ là Picanông (Picanon) tỏ ra năng nổ, thúc giục tổng đốc Lộc tiếp tục bắt dân xâu đào dài thêm 32 km kênh, nơi rộng, nhờ vậy con đường vận tải trở nên dễ dàng từ bờ sông Tiền đến ranh giới tỉnh Tân An (cũ).

Sau Tổng đốc Lộc, chính phủ Pháp tiếp tục công việc đào kênh ấy. Trong 5 năm đầu thế kỉ, chánh tham biện Helgouach và Lagrange cho đào những kênh 25 – 26 – 27 – 28 (ngày nay thuộc huyện Tháp Mười – tỉnh Đồng Tháp) ở phía Tây và phía Nam kênh Tổng đốc Lộc và những kênh Lagrange, kênh 12 ở phía Bắc. Cũng trong thời ấy đó, tỉnh Sa Đéc đào kênh Tháp Mười và kênh Cái Bèo. Tiếp sau đó, năm 1918, Pháp cải tạo kênh Tổng Đốc Lộc.

Kênh Tổng đốc Lộc thời kháng chiến chống Pháp được ta đổi tên là kênh Nguyễn Văn Tiếp (tên một đồng chí chủ tịch tỉnh Mỹ Tho đã hy sinh). Sau năm 1975, lấy lại tên Nguyễn Văn Tiếp. Đoạn kênh từ rạch Ruộng chạy lên phía Đông - Bắc được gọi là

¹.Vương Hồng Sển (1999), Tự vị tiếng nói M.Nam, Nxb Trẻ, TpHCM, tr. 307.

Nguyễn Văn Tiếp B dài 20.4 km, và đoạn rẽ về phía Đông nối với Sông Vàm Cỏ Tây gọi là Nguyễn Văn Tiếp A dài 45.5 km.

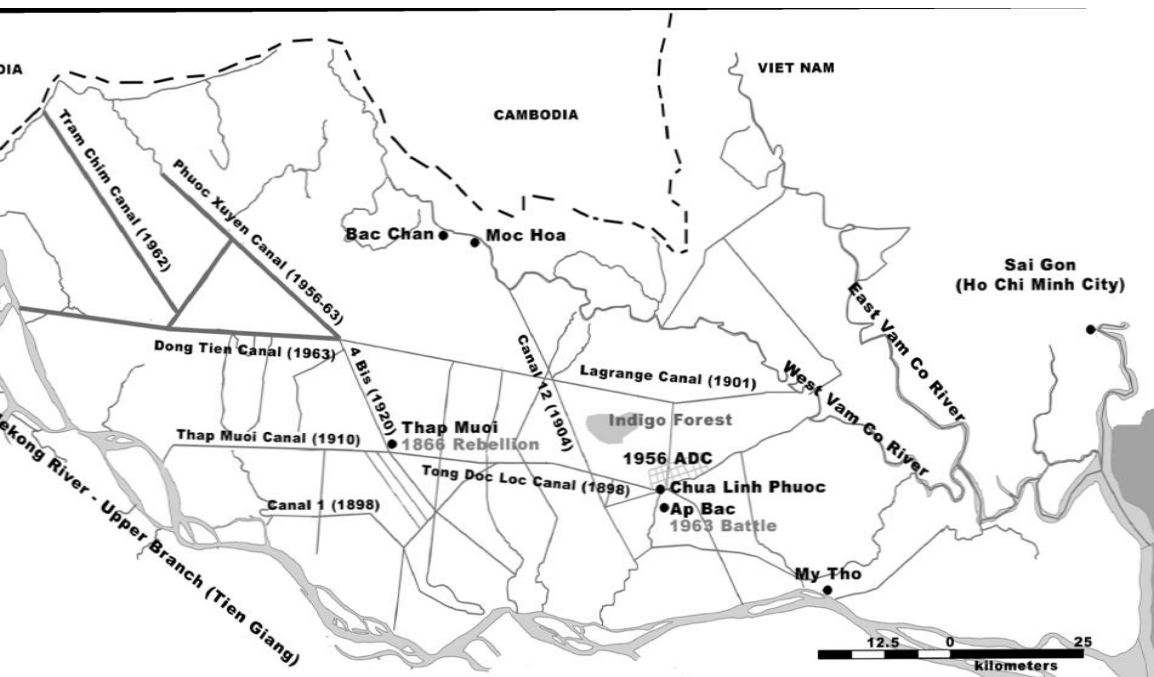
Hiện nay, hệ thống kênh Tổng Đốc Lộc dài tổng cộng 105 km với 4 đoạn kênh thẳng mang 4 tên, gồm kênh Rạch Chanh (nối với Vàm Cỏ Tây, dài 5 km), kênh Bà Bèo (nối Rạch Chanh với Bà Bèo, dài 20 km), kênh Tổng Đốc Lộc (từ Bà Bèo đến Cái Nứa, dài 20 km) và kênh Tháp Mười (nối Cái Nứa với Sông Tiền, dài 60 km) và các kênh phụ có tác dụng thoát nước và rửa phèn trong vùng trũng Cao Lãnh, Tháp Mười, Cái Bè, Cai Lậy ra sông Tiền và Vàm Cỏ Tây.

1.3. Kênh Tháp Mười

Trong năm 1922, từ Rạch Chanh, người Pháp cho nạo vét thẳng lên Bà Bèo. Đồng thời, xuất phát từ khoảng giữa kênh Tổng Đốc Lộc (tại đầu rạch Cái Nứa), Pháp cho đào thẳng tiếp tục về hướng tây Đòng Tháp Mười, xuyên qua cánh đồng hoang vu để ra sông Tiền, dài khoảng 60 km. Đoạn kênh này đi ngang qua khu phế tích Gò Tháp nên gọi là kênh Tháp Mười. Chính đoạn kênh mới đào này đã đưa nước từ phía trên sông Tiền vào làm thông dòng chảy từ sông Tiền qua sông Vàm Cỏ Tây nhằm rửa phèn vốn tích tụ lâu đời trong lòng chảo ĐTM.

Để thuận lợi cho giao thông đường thủy, tăng cường hơn nữa kiểm soát về khai hoang những vùng đất còn trống và nắm chặt hơn nữa về chính trị, năm 1922 Pháp chủ trương đào thẳng, nhiều đoạn đào trong đất liền chứ không theo Kênh Cũ cong queo. Cho nên người dân cũng gọi kênh này là Kênh Mới để phân biệt với Kênh Cũ ở những đoạn cong queo. Khi công trình hoàn thành, người Pháp đặt lại tên mới là Arroyo Commercial (kênh Thương Mại) vì con kênh này giữ vai trò thông thương giữa miền Tây với Sài Gòn.

Từ 1923 - 1925, Pháp cho đào kênh nối rạch Thương Mại với sông Mỹ Tho. Từ 1921 - 1924, cải tạo mở rộng kênh Tổng Đốc Lộc và kênh số 4. Từ 1927 - 1931, đào nối kênh số 4 một đoạn 4 bis (kênh Cát Bích) và kênh Lagrange (kênh Dương Văn Dương).



Bản đồ kênh đào vùng Đồng Tháp Mười từ cuối thế kỉ XIX đến nửa sau thế kỉ XX¹

2. Ảnh hưởng của kênh đào trong công cuộc khai hoang và phát triển vùng Đồng Tháp Mười – Tiền Giang

2.1. Thời các Chúa Nguyễn và vua Nguyễn (cuối TK XVIII đến nửa sau TK XIX)

- Quy tụ dân cư khai hoang lập ấp:

¹.<http://muse.jhu.edu/journals/tech/summary/v049/49.3.biggs.html>

Khi những con kênh mới được đào , lập tức đã có nhiều thay đổi cho vùng Đồng Tháp Mười. Đầu tiên là thu hút dân cư về đây khai hoang , lập ấp xây dựng cuộc sống lâu dài . Nhiều làng mới theo đó hình thành, dân cư ngày một đông hơn.

Dân ở đây đều là những người tứ chiếng, từ mọi nơi trôi dạt lại. Họ là những người nông dân ở Cần Thơ, Long Xuyên, Sa Đéc, Rạch Giá. Nhưng đa số lưu dân người Việt vào Mỹ Tho , Tân An có gốc gác ở Trung và Nam Trung bộ, nhất là các địa phương Thuận Hóa, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quy Nhơn. Ngoài ra, cũng có một số ít từ đồng bằng Bắc bộ, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh. Trong số lưu dân người Việt đi tiên phong trong việc khẩn hoang thì đa số là nông dân nghèo khổ . Chính lực lượng này đóng vai trò quyết định trong công cuộc khẩn hoang vùng Đồng Tháp Mười các thế kỷ XVII, XVIII và cả nửa đầu thế kỷ XIX.

Từ 1802 – 1858, các nhóm di dân ở Trung , Bắc vào Nam sinh sống , những tù phạm quê ở Đàng Ngoài bị sung quân đưa vào Nam Kỳ đơi tội lập công trong các đồn điền, số quan lại và binh lính, người các nơi được điều động tới phục vụ trong bộ máy cai trị ở địa phương đem lại cho cộng đồng người Việt ở Đồng Tháp Mười những khả năng nhận thức và kĩ thuật , tri thức và tinh thần mới nhưng quan trọng nhất là trình độ sản xuất được chuyển biến tích cực hơn thời gian trước.

Năm 1808, nhà Nguyễn tổ chức lại bộ máy cai trị ở Nam Bộ , thành lập Gia Định thành, nâng các đơn vị hành chính , theo đó Đồng Tháp Mười nằm trong địa phận các huyện Thuận An (trần Phiên An), Kiên Đăng, Kiên Hưng (trần Định Tường) và Vĩnh Định (trần Vĩnh Thanh)¹.

Những thay đổi về hành chính dẫn đến thay đổi dân số cũng như lao động và ruộng đất cùng tư liệu sản xuất . Trước năm 1862, ở Cai Lậy đã lần lượt xuất hiện thêm một số xã như Phú Nhuận (1819), Tân Đức (1820), Lợi Yên (1836), Phú Thuận Đông(1845), Giai Mỹ (1846), An Mỹ (1852), Mỹ Thạnh (1857).

Khoảng năm 1807, sông Vàm Cỏ Tây ở đoạn rạch Bát Đông là nơi “*ven sông có nhà cửa ruộng vườn*”. Năm 1819, dưới thời Gia Long công việc đào kênh , nạo vét rạch

¹.Phan Ngọc Bích (1998), Đồng Tháp Mười (tài liệu dịch của Bộ thủy lợi), tr.226.

được làm thường xuyên hơn nên “*nhân dân sinh tụ ngày càng đông, ruộng đất khai khẩn hơn hẳn khu vực Tuyên Thạnh*”¹.

Vào năm 1836, khu vực Cao Lãnh, Cai Lậy, Châu Thành đã xuất hiện những thôn như Mỹ Ngãi, Nhị Mỹ, Phú Mỹ với hàng ngàn mẫu ruộng và đất trồng khoai đậu, vườn cau...v.v..Nửa đầu thế kỉ XIX, nhà Nguyễn rất quan tâm đến khai hoang Đồng Tháp Mười, thời Minh Mạng, tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt đã tổ chức đội quân Gia An ở trấn Định Tường gồm 8 hiệu, 79 trại, 2641 người để làm đồn điền. Thời Tự Đức, Kinh lược sứ Nam Kỳ Nguyễn Tri Phương cũng tập hợp binh dân “*toan khai Thập tháp cầu từ*” mà làm thủy lợi.

Ngày nay, ta dễ nhận ra là một số xã vùng Tân Phước (Tiền Giang) được định hình phần lớn là nhờ kênh Bà Bèo. Sau này, kênh Bà Bèo giúp dân khai phá vùng đồng phèn, lập làng Mỹ Hạnh Đông (Cai Lậy) và các làng Mỹ Điền, Phước Lập, Hưng Thạnh, Phú Mỹ. v.v..v.

Nhờ sự cần cù, bền bỉ, quả cảm, sáng tạo và tương thân tương ái trong lao động của những người đi khai hoang, và một số chính sách, biện pháp khẩn hoang của chính quyền chúa Nguyễn, nhà Nguyễn nên cuối thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX, diện mạo một số nơi trong vùng Đồng Tháp Mười đã được thay đổi một cách cơ bản, tạo điều kiện cho việc mở rộng địa bàn khai phá và phát triển nông nghiệp vào những thời kỳ tiếp theo.

Theo *Phủ biên tạp lục*: lúc bấy giờ, đất đai đã được khai phá thành ruộng đồng, “*Từ cửa biển đi đến đầu nguồn, người ta phải đi đến sáu, bảy ngày, toàn đi qua những đồng ruộng bao la, bát ngát, mắt trông chẳng thấy bờ ruộng ở đâu. Ruộng đồng bằng phẳng, mênh mông*”.

- Phát triển giao thông thủy:

Những kênh đào Bà Bèo – Tổng đốc Lộc – Tháp Mười luôn giữ một vai trò quan trọng về: quân sự, thủy lợi, giao thông... Song, giao thông thủy là mặt hết sức quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp và thương nghiệp.

¹.Trần Bạch Đằng (1996), Địa chí Đồng Tháp Mười, Nxb Chính trị QG, tr. 226

Cùng với kênh Vũng Gò - Bảo Định và kênh Bà Bèo đã nối liền với hệ thống sông rạch có sẵn, tạo nên một mạng lưới giao thông thủy tiện lợi cho việc liên lạc trong nội địa; đồng thời, nó cũng góp phần thúc đẩy tiến trình khai hoang được nhanh chóng. Tác dụng về nhiều mặt của hai con kênh này được phát huy rõ nét trong thế kỷ XIX và về sau.

Kênh Bà Bèo, sông Bến Lức và kênh Thủ Thừa (kênh Thủ Đoàn – kênh Lợi Tế) nằm trên tuyến giao thông đường thủy huyết mạch từ miền sông Hậu, Mỹ Tho lên Sài Gòn. Ghe xuồng từ Mỹ Tho theo kênh Bà Bèo đến sông Vàm Cỏ Tây, sau đó theo kênh Thủ Thừa đến sông Vàm Cỏ Đông rồi theo sông Bến Lức (cũng gọi là sông Chợ Đệm) đến sông Rạch Cát, nhập vào rạch Bến Nghé.

- Chuyển biến của thương nghiệp:

Hệ thống kênh đào Bà Bèo – Tổng đốc Lộc – Tháp Mười đã đem lại lợi ích to lớn trong giao thương nông sản hàng hóa. Nhờ nó mà giá thành của lúa gạo xuất khẩu thấp hơn vì tuyến đường thủy từ miền Tây vào kênh Bà Bèo được rút ngắn.

Giao thông thủy tiện lợi hơn, vì thế, lúa gạo từ Đồng bằng sông Cửu Long còn được xuất khẩu ra nước ngoài. Sách *Phủ biên tạp lục* cho biết: "*Tại phủ Gia Định, lúa thóc không biết bao nhiêu mà kể, các khách buôn người Tàu thường tới những nơi ấy mua bán đã quen thuộc, ai cũng tấm tắc khen ngợi*". Về số lượng gạo được xuất khẩu theo con đường này, theo Trần Ngọc Định dẫn lại từ P. Vial trong *Les premières années de la Cochinchine*, vào những năm 70 của thế kỷ XIX, hàng năm, có khoảng 12.000 tấn thóc gạo đã được bán ra nước ngoài bởi các thương buôn Trung Quốc.

Ngoài lúa gạo, cau, các loại thủy sản cũng là mặt hàng được bán rất chạy trên thị trường. Bên cạnh đó, nguồn lợi cá tôm ở vùng cửa Tiểu là rất lớn; và nhiều đến nỗi người ta ăn không hết, làm khô, bán cho các bạn hàng. Ở vùng Đồng Tháp Mười, cá, tôm ở sông rạch, chằm ao, đồng ruộng nhiều không kể xiết. Từ đó, giới thương lái chuyên buôn bán cá, tôm được hình thành mà dân gian quen gọi là "*lái rôi*". Họ đóng những chiếc ghe lớn để rộng cá và chở đi bán khắp nơi, thu được mỗi lợi lớn.

Những thôn phát triển mạnh nghề đào ao nuôi cá đều nằm ở vùng ven Đồng Tháp Mười thuộc huyện Kiến Đăng (nay là hai huyện Cai Lậy và Cái Bè) và huyện Kiến Hưng

(nay là huyện Châu Thành), bởi vì những nơi này đều là vùng đất thấp, có nhiều ao, đầm, rất thuận lợi cho nghề cá¹.

Tóm lại, với hệ thống kênh đào được đề cập trên đã có nhiều tác dụng quan trọng nhằm khai hoang, lập làng, ổn định đời sống cư dân, góp phần phát triển kinh tế vùng Đồng Tháp Mười nói riêng và đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

2.2. Dưới thời Pháp thuộc

- **Đẩy mạnh khai hoang, tăng nhanh diện tích ruộng lúa:**

Từ chủ trương biến Nam Kỳ thành một vùng sản xuất nông sản – lương thực thật nhiều với chi phí đầu tư thật ít, vào cuối thế kỷ XIX thực dân Pháp đã tiến hành khai hoang một cách ồ ạt, tăng sản lượng lúa gạo bằng cách quảng canh – tăng diện tích canh tác chứ không phải bằng cách thâm canh – tăng năng suất. Với các biện pháp thủy lợi để mở rộng diện tích được tưới tiêu và tổ chức di dân để tăng thêm nhân lực khai phá ở những vùng còn nhiều đất hoang, chính quyền thuộc địa đã nhanh chóng mở rộng thêm diện tích trồng lúa ở Nam Kỳ. Năm 1879, toàn Nam Kỳ có 331.693 ha đất trồng lúa, con số này vào năm 1888 là 803.989 ha và tới năm 1908 là 1.524.590 ha, tăng gấp 4 lần trong vòng 30 năm.

Nông nghiệp Đồng Tháp Mười cũng chuyển biến theo chiều hướng và trong tình hình chung ấy. Khoảng năm 1890, việc khẩn hoang đã diễn ra trên hầu hết các khu vực lân cận và một phần phía nam vùng này, dẫn tới sự xuất hiện hàng loạt kinh đào quan trọng như kênh Thủ Thừa (1898), kênh Tổng đốc Lộc (1897), kênh Lagrange (1899) và nhiều kênh khác nữa. Đáng chú ý nhất là kênh Tổng đốc Lộc dài 50 km kéo dài từ Long Xuyên, Châu Đốc qua Mỹ Tho, Tân An với hệ thống 28 kênh phụ, trong đó có kênh số 12 (kênh Chénieux) nối liền kênh chính với kênh Lagrange và sông Vàm Cỏ Tây. Mỗi con kênh như vậy mở ra hàng ngàn ha đất đai được chuyển nhượng, đồng thời trở thành những đường giao thông và tuyến cư trú mà dần dần theo thời gian làm thay đổi cảnh quan cũng như đời sống kinh tế – xã hội, văn hóa Đồng Tháp Mười.

Kinh tế nông nghiệp Đồng Tháp Mười cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, có bước đột biến hơn gấp nhiều lần dưới chế độ phong kiến. Một tác giả người Pháp sau này cũng

¹.Nguyễn Phúc Nghiệp, Tạp chí Khoa học ĐHSPTp.HCM, Số 26 năm 2011.

phải giải thích của sự phát triển của hệ thống thủy nông ở Đồng Tháp Mười từ góc độ dân số – lao động : “...sự phát triển dân số là một sức mạnh không thể ngăn chặn được và nó lớn lên mỗi ngày. Sức mạnh này đã kéo dài các con kinh đào , nối thêm các con rạch và sông ngòi . Điều này giải thích sự nhập cư của con người trong “ cái túi của xứ Cambode” mà nó ở bên cạnh . Trong tương lai những kinh đào khác sẽ được thiếc lập trong Đồng Tháp Mười và ngay tức khắc những người An Nam sẽ đi theo chúng , lớn lên với chúng...”¹.

Trong 30 năm đầu thế kỉ XX , diện tích canh tác lúa của vùng Đồng Tháp Mười luôn tăng và đạt 434.000 ha ruộng mới khai phá ; và trong thời gian 1910 – 1929, khi ở vùng Cần Thơ , Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, diện tích lúa tăng lên nhờ kinh đào là 435.00 ha, thì ở Đồng Tháp Mười, diện tích lúa tăng lên nhờ lúa nổi là 293.000 ha².

Bảng 3.2: đào kênh gia tăng từ năm 1880 và diện tích ruộng lúa cứ tăng theo (tính cho cả Nam Kỳ)³

Thời gian	Khối lượng đào kênh(m ³)	Diện tích lúa tính trong 10 năm	
		Tổng diện tích(ha)	Diện tích tăng(ha)
1880 – 1890	2.110.000	932.000	169.000
1890 – 1900	8.106.000	1.212.000	280.000
1900 – 1910	27.491.00	1.542.000	330.000
1910 – 1920	66.104	1953.000	411.000
1920 - 1930	72.042.000	2.452.000	499.000

¹.Trần Bạch Đằng (1996), sdd, tr. 249.

².Trần Bạch Đằng (1996), sdd, tr. 250.

³.Trần Hữu Thắng (2012), đđ tr.79.

Kênh đào đã phát huy vai trò rửa phèn, thoát nước làm cho ruộng vườn ngày càng tươi tốt, để khẳng định điều này trong Địa chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902 viết: “*Chính các con kinh vừa làm cho đất đai phì nhiêu, vừa làm thoát nước cho các cánh đồng ngập lụt, vừa giúp cho việc vỡ hoang được nhanh chóng*”¹.

Nhờ rửa phèn, thoát nước và chống úng nên các đồn điền lúa có điều kiện vươn lên. Và trong chuyến đi công tác của mình Nguyễn Hiến Lê đã ghi lại như sau: “*...những kinh của Lộc đào, ta nhận thấy một mục đích rõ rệt là mở một đồn điền lớn ở phía Nam kinh Tổng đốc Lộc và dùng kinh đó để tháo nước trong đồng ra Tiền Giang cho đồn điền khỏi bị ngập...*”².

- Phát triển nhanh chóng về giao thông thủy và thương mại

Lúa gạo được mua gom hầu hết ở các tỉnh miền Tây, rồi tập trung nơi thuận lợi nhất, và sau đó được chuyên chở lên Sài Gòn nhờ những kênh đào trong vùng Đồng Tháp Mười hoặc những vùng tiếp giáp nó. Vai trò của kênh đào về chức năng khá giống nhau nhưng do vị trí tồn tại của chúng nên giá trị cũng khác nhau. Để đánh giá mức độ đóng góp từng mỗi kênh đào chắc là mức độ sẽ khác nhau.

Trong đó, thông qua kênh Bà Bèo và kênh Chợ Gạo mà toàn bộ lượng lúa của các tỉnh miền Tây nước ta và Campuchia được chuyên chở về các nhà máy xay xát ở Chợ Lớn để xuất khẩu. Năm 1910, Hiệp hội lúa gạo Viễn Đông (Sociétés des Rizeries d'Extrême-Orient) được thành lập tại Sài Gòn với bốn xưởng máy xay xát lớn đặt tại Chợ Lớn là *Orient* (Đông Phương), *Tong – Wo, Ban – Hong – Guan* và *Les Joncques*.

Và tuyến đường giao thông thủy mang tính chiến lược nhất cho vùng Đồng Tháp Mười vẫn là “*Từ Cái Bè, ghe lúa theo kinh Bà Bèo, đến Tà Cú (kênh Thủ Thừa), Bến Lức, Chợ Đệm, vào Chợ Lớn...*”³.

Sau một chuyến đi Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười nhà văn Nguyễn Hiến Lê đã nhận xét: “*... kinh Bà Bèo, kinh Tổng đốc Lộc, kinh Tháp Mười (cũng kêu là kinh Phong Mĩ) và Tiền Giang và Hậu Giang. Con đường đó ngắn hơn mà lại ít sóng gió hơn con*

¹. Địa chí Tiền Giang (phần thứ nhất và phần thứ hai), tiengiang.gov.vn.

². Nguyễn Văn Hầu (2000), Nửa tháng trong miền Thất Sơn, nxb Trẻ, tr. 70.

³. Sơn Nam (1997), Đất Gia Định xưa, Nxb Trẻ, TpHCM, tr. 159.

*đường đi trên sông lớn, tức đường do sông Soi Rạp, sông Vàm Cỏ Lớn, kinh Chợ Gạo, Tiền Giang, Hậu Giang; nên ghe, xuồng thường dùng nó, nhất là trong mùa nước đổ*¹.

Như vậy, từ kênh Bà Bèo được đào cách đó gần 100 năm, thực dân Pháp tiếp tục nạo vét kênh này và đào thêm kênh Tổng đốc Lộc, kênh Tháp Mười, rồi nhiều kênh khác trong vùng Đồng Tháp Mười. Làm cho vùng “*muỗi kêu như sáo thổi, đũa lội tựa bánh canh*” thêm một lần nữa được đánh thức.

2.3. Thời kì chính quyền Sài Gòn(1954 - 1975)

Sau những năm 1954, chính quyền Sài Gòn cho khoanh vùng, đào kênh trong ĐTM như kênh Đồng Tiền (1954), nối kênh Lagrange thẳng ra sông Tiền đi song song với kênh Bà Bèo với mục đích thành lập nhiều dinh điền, khu trù mật để khai thác và kiểm soát các vị trí quan trọng của vùng Đồng Tháp Mười nhằm đánh phá căn cứ kháng chiến của ta nhưng không đạt kết quả. Hệ thống kênh Nguyễn Văn Tiếp cũng không được nạo vét cải tạo thêm mấy. Tháng 4 – 1975, miền Nam được giải phóng, chính quyền Sài Gòn sụp đổ và công cuộc khai thác vùng ĐTM cũng chấm dứt trong bất lực.

4. Kênh đào vẫn là bước đột phá trong gần 40 khai hoang và phát triển vùng Đồng Tháp Mười - Tiền Giang

Ngày 01/12/2010, tại Thành phố Cao Lãnh, UBND tỉnh Đồng Tháp đã long trọng tổ chức hội thảo tổng kết 30 năm khai thác Đồng Tháp Mười (ĐTM). Đại diện lãnh đạo tỉnh và các ban, ngành các địa phương trong vùng, cùng nhiều nhà nghiên cứu, nhà khoa học trong nước đã tham gia hội thảo.

Hội thảo đã đưa ra các nguyên nhân dẫn đến thành công trong cuộc tiến công, khai phá Đồng Tháp Mười. Nhưng trong đó vẫn nổi lên một nguyên nhân dẫn đến thành công của vùng này là đào kênh với mục đích “*trị phèn*”.

Khi nghiên cứu về ĐTM, nhiều chuyên gia nước ngoài (Hà Lan, Liên Xô) đi đến kết luận: “*Muốn xử lý 1 ha đất phèn phải tốn cả triệu USD*” và “*Đồng Tháp Mười không thể trồng lúa!*”. Không lùi trước những khó khăn đó, với kinh nghiệm đào kênh ở

¹. Nguyễn Hiến Lê (1989), Bấy ngày ở Đồng Tháp Mười, Nxb L. An, tr. 27.

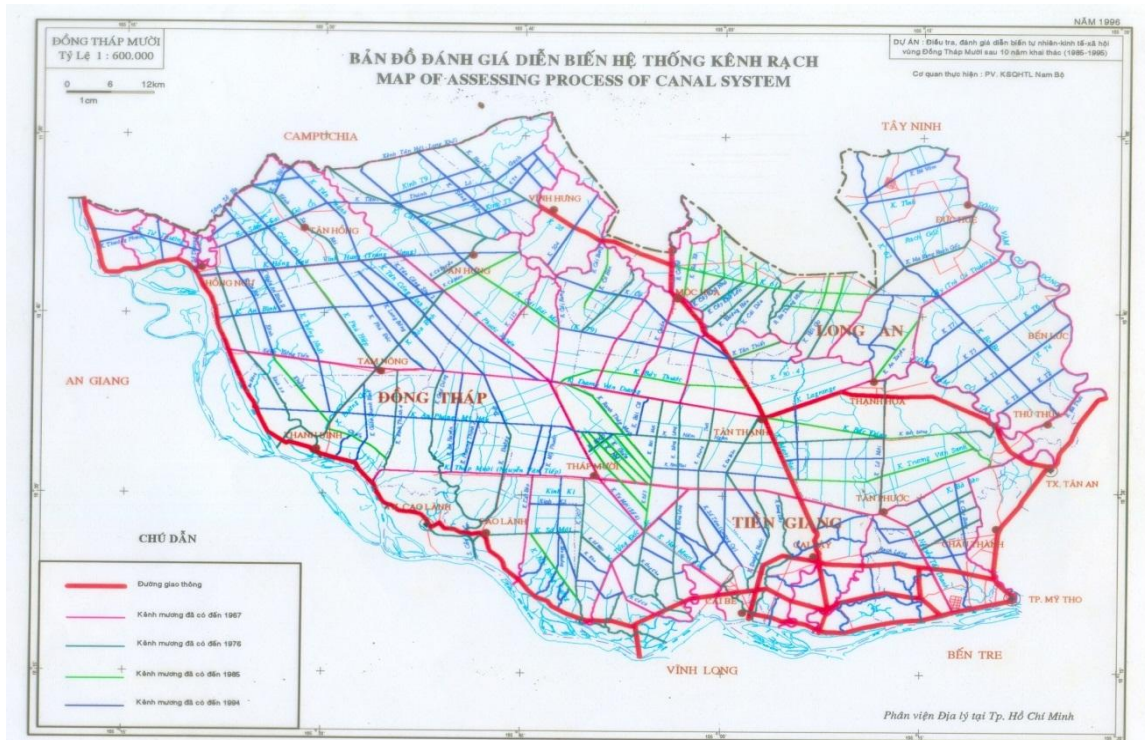
An Giang (1997)¹, thủ tướng Võ Văn Kiệt cùng lãnh đạo các huyện vùng ĐTM chọn giải pháp đào kênh trong điều kiện vô cùng khó khăn về thiên nhiên và cả vật chất, kĩ thuật...

Từ năm 1976 đến những năm 90, một hệ thống kênh đào mới đã được thi công như: kênh 500 bắt đầu từ xã Mỹ Phước Tây (huyện Cai Lậy) đến xã Phú Mỹ (huyện Tân Phước) dài gần 20km, kênh Trương Văn Sanh nằm song song và cách kênh 500 khoảng 5km, và nhiều kênh ngang dọc khác như kênh Tràm Mù, kênh Bắc Đông, kênh Lộ Mới, kênh Bao Ngạn, kênh Ranh, kênh Kho, kênh Cái Đôi, kênh Cặp Rắn Núi, kênh trung Tâm... để đưa nước ngọt vào rửa phèn.

Cùng đó, ở phía hướng Tây – Bắc, từ 1978 - 1984 Trung ương chỉ đạo đào và hoàn thành kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng (kênh Trung ương) dài 45km xuyên qua Đồng Tháp Mười, nằm gần biên giới Campuchia của hai tỉnh Đồng Tháp và Long An.

Tính đến năm 2010, khu vực Đồng Tháp Mười của Tiền Giang đã có 42 kênh mới được đào với trên 600 km phục vụ công cuộc khai hoang. Những kênh trong hệ thống kênh Nguyễn Văn Tiếp cũng thường xuyên được nạo vét, nâng cấp.

¹. Thủ tướng Võ Văn Kiệt người đã cho đào các kênh T4, T5 và T6 ở 2 tỉnh An Giang và Kiên Giang với tổng chiều dài 100 km, góp phần thoát nước từ sông Hậu ra biển Tây.



Kênh rạch Đồng Tháp Mười trong giai đoạn hiện nay¹

Trải qua gần 40 năm đào kênh, làm thủy lợi trong khu vực ĐTM – Tiền Giang đã đạt được nhiều thành quả trong công cuộc khai hoang và phát triển vùng này. Trong đó, nổi bật lên những thành quả rực rỡ sau:

+ *Đã trị được phèn*: hơn một thế kỉ trước, khi khai thác vùng ĐTM thực dân Pháp luôn hoài nghi cho rằng đây là cánh đồng “*không sinh lợi*” mà nguyên nhân chính vì đất nhiễm phèn, nước úng, ngập vào mùa mưa... Rồi đến những cảnh báo của các chuyên gia nước ngoài không được đùng vào “*túi phèn Đồng Tháp Mười*”. Các công trình nghiên cứu trong nước cũng cho rằng nhiều nơi “*lớp phèn tiềm tàng dày nhiều mét*”².

Song, vấn đề đó chỉ còn trong quá khứ, nay “*vùng đất chết*” đã hồi sinh, trở nên màu mỡ hơn. Với phương pháp “*dẫn ngọt ém phèn*”, vì thế, lớp phèn trên mặt đất được rửa sạch bằng một hệ thống kênh đào. Hiện nay, Đồng Tháp Mười là cánh đồng trù phú của đồng bằng sông Cửu Long.

¹. Bản đồ này do Phân viện địa lý Tp. Hồ Chí Minh cung cấp.

². Trần Bạch Đằng (1996), sdd, tr. 14.

+ *Tăng vụ trồng lúa*: từ 1 vụ/năm đã tăng lên 2 vụ/năm (không có đê bao) đến 3 vụ/năm (có đê bao kín xả lũ). Cách tăng vụ này đem lại hiệu quả cao cho người nông dân. Bằng chứng là từ năm 2006 - 2008, KS Nguyễn Đức Thuận và cộng sự của Trung tâm Nghiên cứu & phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười đã thực hiện đề tài Quốc gia “*Nghiên cứu tác động của canh tác nhiều vụ lúa trong năm đến năng suất, hiệu quả kinh tế, tính chất đất và tính bền vững của SX lúa vùng đất phèn Đồng Tháp Mười*”. Đề tài thực hiện ở xã Mỹ An, huyện Tháp Mười, vốn là vùng đất phèn nặng¹.

+ *Tăng năng suất lúa*: dưới thời Pháp thuộc năng suất lúa trung bình tính chung cho cả vùng đất Nam Bộ chỉ đạt từ 10 đến 12 tạ/ha², chắc rằng đối với vùng ĐTM còn thấp hơn. Có câu thách đố nếu năng suất đạt 5 – 6 tấn/ha “*ai làm được năng suất đó là bậc thầy của Thần Nông*”³. Như vậy, chỉ có “*phép màu*” mới “*giải mã*” được câu thách đố đó? Nhưng với sự đầu tư của Đảng và Nhà nước, quyết tâm của chính quyền cùng nhân dân vùng ĐTM, nữa là đã chọn một hướng đi đúng đắn và có sự góp sức của các nhà khoa học bằng những công trình nghiên cứu nghiêm túc mà tiêu biểu là công trình “*Nghiên cứu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng ĐTM giai đoạn 1980-1987*” của nhóm tác giả do PGS.TS Hồ Chí - Viện khoa học Việt Nam chủ biên. Sau 25 năm, toàn vùng đã không còn đất hoang hóa, năng suất cây trồng ngày càng tăng, đặc biệt là năng suất lúa có nơi cho 7-8 tấn/ha, trung bình Đông Xuân đạt 6-7 tấn/ha, hè Thu 5-6 tấn/ha. Sản lượng lúa năm 2011 toàn vùng ĐTM đạt gần 6 triệu tấn⁴. Bình quân đầu người từ hơn 100kg/năm đến nay khoảng 3tấn/năm⁵, đóng góp khoảng 20% lượng gạo xuất khẩu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

+ *Đa dạng cây trồng*: không còn độc canh cây lúa như trước đây mà nhiều cây khác có giá trị kinh tế được trồng như Cây khóm, khoai mỡ được trồng ở huyện Tân Phước (Tiền

¹.Theo nongnghiep.vn.

². Huỳnh Lứa (1987), Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ, Nxb Tp.HCM, tr. 228.

³.Trần Bạch Đằng (1996), sdd, tr. 14.

⁴.Bùi Văn Bồng, Thức dậy tiềm năng vùng đất phèn, đăng trên QĐND ngày 09.02.2014.

⁵.Đặng Nguyên, Chuyện cổ tích ngày nay, Sài Gòn online ngày 11.12.2010.

Giang); Cây mè được trồng ở huyện Đức Huệ , Vĩnh Hưng, Tân Hưng, Mộc Hóa (Long An) và huyện Tân Hồng , Hồng Ngự (Đồng Tháp). Cây đay (bô) được trồng ở huyện Thạnh Hóa, Mộc Hóa (Long An) trong vụ Hè Thu trên nền đất lúa. Gần đây, nhiều huyện vùng ĐTM đầu tư trồng Cây sen tạo thêm nguồn thu nhập cho nông dân. Tuy nhiên, diện tích những cây này chiếm tỷ lệ còn thấp , chưa xứng với tiềm năng về đất , nước, khí hậu của vùng.

Bốn thập niên so với lịch sử khai hoang đất Nam Bộ thì không là bao nhưng nó đã một nửa của đời người. Trong gần 40 năm ấy, nhân dân vùng ĐTM nói chung và nhân dân khu vực ĐTM – Tiền Giang nói riêng đã vượt qua biết bao khó khăn và thử thách để tiến vào khai hoang, đánh thức vùng đất này. Vẫn biết rằng thách thức nhiều hơn cơ hội nhưng thật là trong “*cái khó ló cái khôn*”. Với tinh thần quả cảm, khát vọng vươn lên, luôn chủ động, say mê trong lao động sản xuất và tính sáng tạo của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân vùng Đồng Tháp Mười là nguyên nhân chính của sự thành công trong công cuộc khai hoang và phát triển vùng “*đất chết*”. Và cũng trong gần 40 năm ấy nhân dân ĐTM – Tiền Giang đã biến *cái không thể trở thành cái có thật* mà huyện Tân Phước là một điển hình tiêu biểu minh chứng cho sự thành công đó. Đồng Tháp Mười thêm một lần nữa được đánh thức và đã thay da đổi thịt góp sức mình vào sự tiến lên của đất nước.

Tác giả :NCS. TRẦN HỮU THẮNG

Giảng viên Khoa Lí luận chính trị trường ĐHCN TP. HCM, ĐTĐĐ: 0909263509.